

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 488/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: ông Ngô Minh C; sinh năm 1953; CCCD số: 048053001544 cấp ngày 12/08/2021, trú tại: C Q, T, Đà Nẵng và bà Võ Thị L; sinh ngày 20/03/1955; CCCD số: 048155003330 cấp ngày 27/08/2021, trú tại: F D, tổ G, S, Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: ông Ngô Minh C và bà Võ Thị L kết hôn năm 1983 tại UBND phường H 1 nay là phường H, TP Đà Nẵng theo giấy chứng nhận số 249. Mâu thuẫn xin ly hôn là: Hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau và xảy ra nhiều mâu thuẫn, đã ly thân từ khi con gái được một tuổi cho đến nay nên yêu cầu Tòa án cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông C và bà L đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật HNGĐ công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

[2]. Về con chung: Ông C và bà L khai nhận 01 con chung là Ngô Thái H, sinh ngày 17/10/1985. Con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không đề cập đến thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng con hàng tháng.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông C và bà L khai nhận không có.

[4]. Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) ông C và bà L chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 08/01/2026), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Minh C và bà Võ Thị L thống nhất thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 249 do UBND phường H, TP Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam nay là phường H, TP Đà Nẵng cấp ngày 27/10/1983 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về quan hệ con chung: Ông Ngô Minh C và bà Võ Thị L khai nhận có 01 con chung là Ngô Thái H, sinh ngày 17/10/1985. Con chung đã trưởng thành nên không đề cập đến.

1.3. Về tài sản chung nợ chung: ông C và bà L khai nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: ông Ngô Minh C và bà Võ Thị L là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên người khởi kiện thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- THADS TPĐN;
- Phòng THADS KV 2 ĐN;
- UBND p Hải Châu, TPĐN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thanh Thủy